Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-09 08:10:58 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 926/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình hỗ trợ kinh doanh bền vững giai đoạn 2026 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hỗ trợ kinh doanh bền vững giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu tổng quát:

- Thúc đẩy doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng trưởng chất lượng và hiệu quả theo hướng bền vững, đảm bảo mọi hoạt động cân bằng giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường, nhằm hiện thực hóa đồng bộ 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) đến năm 2030 và cam kết Net Zero vào năm 2050.

- Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững, đóng góp tích cực trong việc tạo công ăn việc làm, nâng cao mức sống cho người thu nhập thấp, người yếu thế, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của kinh doanh bền vững.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý, hỗ trợ, tư vấn về kinh doanh bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ khoảng 25.000 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ xây dựng ít nhất 20 mô hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững thành công điển hình để lan tỏa, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Thu hút và huy động các nguồn lực hợp pháp, đặc biệt từ khu vực doanh nghiệp, kinh tế tư nhân để triển khai các sáng kiến hướng tới kinh doanh bền vững.

2. Phạm vi của Chương trình: Thực hiện trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030.

3. Đối tượng của Chương trình:

a) Đối tượng thụ hưởng: Doanh nghiệp khu vực tư nhân, hộ kinh doanh và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi tắt là hợp tác xã) thực hiện kinh doanh bền vững.

b) Đối tượng tham gia triển khai Chương trình:

- Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là bên cung cấp dịch vụ) gồm: Viện nghiên cứu, trường đại học, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức có tư cách pháp nhân thực hiện hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh bền vững.

- Cơ quan, tổ chức hỗ trợ kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là cơ quan hỗ trợ) gồm: Đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí để triển khai Chương trình; các đơn vị thuộc, trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Các bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các đơn vị trực thuộc; các cơ quan, tổ chức hỗ trợ được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động của Chương trình.

II. CÁC MÔ HÌNH KINH DOANH BỀN VỮNG

1. Mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn: Là mô hình kinh doanh trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ có mục tiêu giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, tái chế, tái sử dụng, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2. Mô hình kinh doanh bao trùm: Là mô hình kinh doanh huy động người thu nhập thấp tham gia trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã; trong đó, người thu nhập thấp có thể tham gia với vai trò là nhà cung ứng, khách hàng, nhà phân phối, người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các giá trị chia sẻ.

3. Mô hình kinh doanh áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG) và các mô hình kinh doanh bền vững khác: Là mô hình kinh doanh đảm bảo các yếu tố bền vững về quản trị kinh doanh, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

III. ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ

Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững được hỗ trợ khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Đã có giải thưởng, chứng chỉ, giấy chứng nhận ở cấp quốc tế hoặc cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc ISO về chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, môi trường, áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG), kinh doanh bao trùm, kinh doanh bền vững, trách nhiệm xã hội.

2. Là doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Đang triển khai dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG) theo quy định pháp luật.

4. Đáp ứng tiêu chí xác định mô hình kinh doanh bền vững được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Đáp ứng Khung tiêu chí đánh giá mô hình kinh doanh bền vững quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững

a) Xây dựng tài liệu, tổ chức phổ biến thông tin, truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã về kinh doanh bền vững.

b) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý, hỗ trợ, tư vấn về kinh doanh bền vững.

c) Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững.

d) Xây dựng, phát triển nền tảng số để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững.

đ) Tổ chức các diễn đàn kinh doanh bền vững thường niên, hội thảo, tọa đàm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về các mô hình kinh doanh bền vững trong nước và quốc tế; kết nối, thúc đẩy tài chính xanh, đầu tư tạo tác động xã hội, môi trường.

e) Khuyến khích các bên cung cấp dịch vụ nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp, công cụ nhằm đánh giá và công nhận doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững.

g) Khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng thúc đẩy kinh doanh bền vững.

h) Hỗ trợ phát triển các sáng kiến hợp tác công tư thúc đẩy kinh doanh bền vững, đầu tư tạo tác động xã hội, môi trường.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững

a) Hỗ trợ tư vấn: Xây dựng chiến lược, thiết kế mô hình, phương án kinh doanh bền vững; quản trị nội bộ; tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh; tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư.

b) Hỗ trợ đào tạo: Quản trị doanh nghiệp; xây dựng chiến lược, thiết kế mô hình, phương án kinh doanh bền vững; hoạt động sản xuất kinh doanh; huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững.

c) Hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo: Tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thử nghiệm (sandbox); chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện sản phẩm, thương mại hóa các giải pháp công nghệ; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn chuyển đổi số; chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số.

d) Hỗ trợ về truyền thông, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững: Hỗ trợ đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; hỗ trợ duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài.

3. Hoạt động quản lý Chương trình:

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình, khung giám sát, đánh giá Chương trình gồm: Thuê chuyên gia tư vấn xây dựng, thẩm định nội dung tài liệu; tổ chức tập huấn phổ biến, hướng dẫn sử dụng tài liệu.

b) Tổ chức đánh giá, giám sát định kỳ hoặc đột xuất tình hình triển khai Chương trình; tổ chức đánh giá độc lập giữa kỳ và tổng kết Chương trình, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả và tác động của Chương trình.

V. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Công tác hỗ trợ kinh doanh bền vững phải đảm bảo phù hợp đối tượng, phạm vi hỗ trợ của ngân sách nhà nước, tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đăng ký nhu cầu trước được hỗ trợ trước.

3. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã do phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số làm chủ; doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã sử dụng nhiều lao động là nữ, người khuyết tật và người dân tộc thiểu số; doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật được hỗ trợ trước.

VI. KINH PHÍ HỖ TRỢ

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Các hoạt động hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

b) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Hợp tác xã, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và các văn bản hướng dẫn.

c) Các hoạt động hỗ trợ từ nguồn kinh phí đóng góp, tài trợ thực hiện theo thỏa thuận với nhà tài trợ, bên tham gia đóng góp kinh phí (trường hợp có thỏa thuận) hoặc theo quy định của bên cung cấp dịch vụ (trường hợp không có thoả thuận). Cơ chế thực hiện (quy trình, thủ tục, nội dung và chi phí thực hiện, trách nhiệm của các bên liên quan) và việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đóng góp, tài trợ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Chủ trì hướng dẫn xây dựng, tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí, cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030 trên phạm vi cả nước, đảm bảo nguyên tắc quy định tại Chương trình này và theo các quy định pháp luật liên quan; xây dựng tiêu chí xác định mô hình kinh doanh bền vững theo Khung tiêu chí đánh giá mô hình kinh doanh bền vững quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Chủ trì xem xét bố trí dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; thông báo kế hoạch thực hiện Chương trình theo dự toán hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện Chương trình.

c) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút nguồn lực phục vụ hoạt động phát triển hệ sinh thái.

d) Nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu tiên, đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã kinh doanh bền vững trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan.

đ) Chủ trì hướng dẫn, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình này; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện giữa kỳ và tổng kết Chương trình, kịp thời đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chương trình theo từng thời kỳ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức hỗ trợ kinh doanh bền vững:

a) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030 hoặc thực hiện lồng ghép với các chương trình khác phù hợp mục tiêu của Chương trình này (nếu có); gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trên phạm vi toàn quốc.

b) Giao đơn vị trực thuộc làm đầu mối và tổ chức triển khai Chương trình hàng năm; đánh giá tình hình thực hiện Chương trình trong phạm vi, lĩnh vực quản lý; trường hợp cần thiết, đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung, hoạt động của Chương trình, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Chịu trách nhiệm về tính khả thi, hiệu quả, triển khai Chương trình theo phạm vi và lĩnh vực quản lý, lồng ghép tối đa vào các chương trình tương tự hiện có để tăng cường tiết kiệm.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt cho các hoạt động để thực hiện Chương trình. Chủ động sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện; trường hợp có khó khăn về ngân sách, tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

4. Trách nhiệm của các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững:

a) Chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham gia triển khai các hoạt động cụ thể hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh bền vững trong phạm vi các hoạt động của Chương trình.

b) Tuân thủ đúng các quy định hướng dẫn thực hiện Chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

5. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan hỗ trợ, bên cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh bền vững và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Tuân thủ đúng quy định của Chương trình và các văn bản hướng dẫn; thực hiện đúng cam kết với cơ quan hỗ trợ, bên cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh bền vững.

c) Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục

KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH KINH DOANH BỀN VỮNG

(Kèm theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN

1. Về định hướng kinh doanh: Doanh nghiệp có triết lý về kinh doanh áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong tầm nhìn, sứ mệnh hoặc có mục tiêu, chiến lược, kế hoạch hoạt động hướng đến kinh tế tuần hoàn.

2. Trong công đoạn sản xuất và tiền sản xuất:

a) Tiêu chí về giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng.

b) Tiêu chí về kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện.

c) Tiêu chí về hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: Giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

3. Trong công đoạn sau bán hàng, bao gồm vận chuyển giao hàng, sử dụng sản phẩm, thu hồi sản phẩm:

a) Tiêu chí về sử dụng năng lượng tái tạo; tái chế, tái sử dụng vật liệu tiêu hao; dịch vụ sửa chữa hoặc bảo trì sản phẩm; thông tin bao bì, nhãn mác sản phẩm.

b) Tiêu chí về tái chế sản phẩm, quản lý thu hồi, thu gom sản phẩm.

c) Tiêu chí về sử dụng hạt vi nhựa hoặc nhựa không tự phân hủy.

II. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH KINH DOANH BAO TRÙM

1. Về định hướng kinh doanh bao trùm: Doanh nghiệp có triết lý về định hướng kinh doanh bao trùm trong tầm nhìn, sứ mệnh, thông điệp của lãnh đạo doanh nghiệp hoặc có mục tiêu, chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động có hướng đến kinh doanh bao trùm; hệ thống quản lý và đo lường tác động.

2. Về tính khả thi thương mại: Tính khả thi thương mại cấp độ doanh nghiệp; tính khả thi thương mại cấp độ mô hình kinh doanh bao trùm; quản trị tốt; tuân thủ pháp luật lao động, bảo vệ môi trường, tiêu chí phát triển bền vững về khía cạnh xã hội.

3. Về tác động xã hội: Tác động xã hội theo chiều rộng; tác động xã hội theo chiều sâu; tính nhân rộng và lan tỏa theo ngành, theo chuỗi, đến cộng đồng địa phương, thúc đẩy bình đẳng giới.

4. Về đổi mới sáng tạo: Đổi mới sáng tạo trong quy trình, mô hình kinh doanh để cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người thu nhập thấp; đổi mới sáng tạo về công nghệ nâng cao hiệu quả kinh tế, tác động xã hội, bảo vệ môi trường; đổi mới sáng tạo vì xã hội, thúc đẩy công bằng và bền vững trong xã hội; đổi mới sáng tạo bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh, phục vụ tăng trưởng xanh.

III. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH KINH DOANH ÁP DỤNG KHUNG TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – QUẢN TRỊ (ESG)

1. Tiêu chí về môi trường: Tuân thủ về môi trường, tiêu chuẩn môi trường đối với nhà cung cấp, vật liệu, năng lượng, nước, đa dạng sinh học, khí thải, nước thải và chất thải, sản phẩm có trách nhiệm.

2. Tiêu chí về xã hội: Việc làm, quan hệ lao động và quản lý, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo, sự đa dạng, cơ hội bình đẳng, tham gia công đoàn và các tổ chức đoàn thể, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, quyền lợi người lao động, cộng đồng địa phương, tiêu chuẩn xã hội với nhà cung cấp, sức khỏe và an toàn của khách hàng, tiếp thị và nhãn hiệu, bảo mật thông tin khách hàng.

3. Tiêu chí về quản trị: Cam kết thực hiện ESG hoặc kinh doanh bền vững, cơ cấu và chức năng của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Giám đốc, quản trị sự tham gia của các bên liên quan, tính công khai và minh bạch, môi trường kiểm soát và quyền cổ đông (chỉ áp dụng với các công ty cổ phần, có niêm yết trên sàn chứng khoán).